



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
	Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
	Ông Đỗ Hữu Tạo	Thành viên (từ ngày 18/4/2018)
	Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên (từ ngày 18/4/2018)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-126-SX-R



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		669.423.572.421	604.592.617.597
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	56.159.235.865	48.025.131.306
Tiền	111		21.159.235.865	48.025.131.306
Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.854.387.259	169.264.363.304
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	136.095.311.559	143.406.240.559
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.484.837.245	25.462.214.893
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	11.343.206.068	19.903.373.415
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(21.078.954.409)	(19.507.465.563)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		9.986.796	-
Hàng tồn kho	140	12	464.195.401.796	386.331.877.338
Hàng tồn kho	141		464.195.401.796	386.331.877.338
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.214.547.501	971.245.649
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		587.490.908	876.427.172
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.627.056.593	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	-	94.818.477
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		935.717.432.346	903.985.635.145
Các khoản phải thu dài hạn	210		63.476.000.000	32.876.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	63.476.000.000	32.876.000.000
Tài sản cố định	220		174.074.446.422	176.470.710.764
Tài sản cố định hữu hình	221	13	172.712.501.748	175.727.583.690
<i>Nguyên giá</i>	222		473.752.339.200	453.105.718.948
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(301.039.837.452)	(277.378.135.258)
Tài sản cố định vô hình	227		1.361.944.674	743.127.074
<i>Nguyên giá</i>	228		6.329.935.312	5.349.935.312
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.967.990.638)	(4.606.808.238)
Bất động sản đầu tư	230		3.234.686.485	3.234.686.485
<i>Nguyên giá</i>	231	14	3.234.686.485	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	240		60.002.513.341	48.552.347.941
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	60.002.513.341	48.552.347.941
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	566.256.943.906	573.232.641.789
Đầu tư vào công ty con	251		510.000.000.000	510.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	66.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.743.056.094)	(2.767.358.211)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản dài hạn khác	260		68.672.842.192	69.619.248.166
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	68.672.842.192	69.619.248.166
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.605.141.004.767	1.508.578.252.742
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		370.624.879.901	194.107.945.092
Nợ ngắn hạn	310		370.624.879.901	194.107.945.092
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	88.516.445.467	47.035.016.270
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.091.831.534	2.512.350.702
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	10.594.160.561	12.997.614.491
Phải trả người lao động	314		15.739.559.582	13.574.906.951
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	9.633.910.402	3.669.411.851
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	19.282.336.129	11.175.213.292
Vay ngắn hạn	320	22	225.220.233.526	106.100.217.922
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	(2.453.597.300)	(2.956.786.387)
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.234.516.124.866	1.314.470.307.650
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.234.516.124.866	1.314.470.307.650
Vốn cổ phần	411	25	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	330.797.220.456	330.797.220.456
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	71.252.389.719	151.206.572.503
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(14.974.885.177)	(7.679.128.876)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		86.227.274.896	158.885.701.379
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.605.141.004.767	1.508.578.252.742

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng	01	29	754.949.341.634	784.246.606.925
Giá vốn hàng bán	11	30	525.404.607.542	521.303.592.660
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		229.544.734.092	262.943.014.265
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	18.064.396.432	8.241.910.274
Chi phí tài chính	22	32	9.717.988.465	1.897.061.334
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.913.976.791</i>	<i>540.656.723</i>
Chi phí bán hàng	25	33	106.848.898.178	114.670.497.368
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	27.966.788.156	30.221.582.953
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		103.075.455.725	124.395.782.884
Thu nhập khác	31		2.010.729.967	744.449.985
Chi phí khác	32		1.061.002.707	1.068.236.843
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		949.727.260	(323.786.858)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		104.025.182.985	124.071.996.026
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	17.797.908.089	23.743.823.286
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		86.227.274.896	100.328.172.740

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	104.025.182.985	124.071.996.026
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	29.797.583.065	29.980.051.131
Các khoản dự phòng	03	8.547.186.729	1.036.112.140
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.270.278	84.414.543
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.775.654.665)	(7.129.591.695)
Chi phí lãi vay	06	1.913.976.791	540.656.723
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	125.510.545.183	148.583.638.868
Biến động các khoản phải thu	09	(11.388.557.390)	9.234.928.858
Biến động hàng tồn kho	10	(77.863.524.458)	(41.777.209.158)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	54.754.950.754	48.488.776.020
Biến động chi phí trả trước	12	279.417.927	2.137.285.393
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.913.976.791)	(540.656.723)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.916.771.221)	(19.490.513.850)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.036.695.865)	(6.532.058.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	68.425.388.139	140.104.191.350
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(37.895.559.812)	(25.685.795.690)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.367.117.273	129.153.636
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	17.408.537.392	7.000.438.059
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.119.905.147)	(18.556.203.995)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	348.217.450.461	266.905.026.755
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(229.146.169.869)	(242.696.958.987)
Tiền trả cổ tức	36	(160.242.659.025)	(160.289.406.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(41.171.378.433)	(136.081.338.932)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	8.134.104.559	(14.533.351.577)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	48.025.131.306	45.712.417.389
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	56.159.235.865	31.179.065.812

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng công ty có 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty liên kết (01/01/2018: 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 16.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng công ty có 332 nhân viên (01/01/2018: 342 nhân viên).

100
C
HẮC
VAM

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cổ tức.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

10/01/2018
TỶ
HỮI
M/C

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 - 20 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 - 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sản văn phòng

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại tầng 18 tòa nhà Mipeco, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm mua đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi nào trong cơ cấu đơn vị phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	534.276.646	1.266.717.442
Tiền gửi ngân hàng	18.161.759.219	46.758.413.864
Tiền đang chuyển	2.463.200.000	-
Các khoản tương đương tiền	35.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	56.159.235.865	48.025.131.306
	<hr/>	<hr/>

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	30/6/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	59.905.560.817	57.225.650.793
Các bên khác		
▪ Công ty Vận tải biển Vinalines	669.123.502	3.605.520.916
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
▪ Total Lubrificants Hong Kong Limited	914.258.661	4.325.232.516
▪ Các khách hàng khác	67.139.891.668	70.783.359.423
	<hr/>	<hr/>
	136.095.311.559	143.406.240.559
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Phải thu từ các công ty liên quan</i>		
Hỗ trợ đầu tư cho dự án Nhà máy Nhựa đường Cửa Lò (*)	-	12.500.000.000
Phải thu khác từ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con	2.460.145.692	2.572.694.353
Phải thu khác từ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con	1.988.718.706	1.473.616.279
Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex	969.034.385	1.281.158.641
	5.417.898.783	17.827.469.273
<i>Phải thu từ các bên khác</i>		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	3.468.303.500	685.933.942
Thuế nhập khẩu	356.527.759	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.100.476.026	1.389.970.200
	11.343.206.068	19.903.373.415

Các khoản phải thu phi thương mại khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Phải thu từ các công ty con</i>		
Hỗ trợ đầu tư cho dự án Nhà máy Nhựa đường Cửa Lò (*)	12.500.000.000	-
Hỗ trợ đầu tư cho dự án Cầu cảng Thọ Quang (**)	9.500.000.000	9.500.000.000
Hỗ trợ đầu tư dự án Nhà máy kho dung môi Hóa chất Petrolimex Đình Vũ – Hải Phòng (***)	41.476.000.000	23.376.000.000
	63.476.000.000	32.876.000.000

(*) Theo hợp đồng ngày 09 tháng 8 năm 2017, khoản hỗ trợ đầu tư được dùng để tài trợ dự án Nhà máy Nhựa đường Cửa Lò của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con. Khoản hỗ trợ đầu tư này được hoàn trả sau 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Trong năm 2018, Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex xin gia hạn thời gian trả nợ thêm 24 tháng, do đó khoản hỗ trợ đầu tư này sẽ được hoàn trả trong tháng 2 năm 2020. Chi phí hỗ trợ đầu tư được tính lãi theo lãi suất cơ bản tiền gửi VND kỳ hạn 1 năm dành cho khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

(**) Theo hợp đồng ngày 31 tháng 7 năm 2017, khoản hỗ trợ đầu tư được dùng để tài trợ dự án Cầu cảng Thọ Quang của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con. Khoản hỗ trợ đầu tư này được hoàn trả sau 36 tháng kể từ ngày giải ngân (“thời gian hỗ trợ”). Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex có thể xin gia hạn thời gian hoàn trả tối đa là 24 tháng sau khi kết thúc thời gian hỗ trợ. Chi phí hỗ trợ đầu tư được tính lãi theo lãi suất cơ bản tiền gửi VND kỳ hạn 1 năm dành cho khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

(***) Theo hợp đồng ngày 25 tháng 8 năm 2017, khoản hỗ trợ đầu tư được dùng để tài trợ dự án Nhà máy kho dung môi Hóa chất Petrolimex Đình Vũ – Hải Phòng của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con. Khoản hỗ trợ đầu tư này được hoàn trả sau 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex có thể xin gia hạn thời gian hoàn trả tối đa là 24 tháng sau khi kết thúc thời gian hỗ trợ. Chi phí hỗ trợ đầu tư được tính lãi theo lãi suất cơ bản tiền gửi VND kỳ hạn 1 năm dành cho khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2018			Số ngày quá hạn	01/01/2018		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-
Công ty TNHH TM&VT Hoàng Phát	Trên 3 năm	2.176.286.342	(2.176.286.342)	-	Trên 3 năm	2.176.286.342	(2.176.286.342)	-
Các công ty khác	Trên 3 năm	5.531.092.759	(5.531.092.759)	-	Trên 3 năm	5.367.892.759	(5.367.892.759)	-
Các công ty khác	2 - 3 năm	2.166.482.967	(1.516.538.077)	649.944.890	2 - 3 năm	832.929.644	(583.050.751)	249.878.893
Các công ty khác	1 - 2 năm	630.579.967	(315.289.984)	315.289.983	1 - 2 năm	1.687.155.169	(843.577.585)	843.577.584
	6 tháng – 1 năm				6 tháng – 1 năm			
Các công ty khác	1 năm	5.143.435.201	(1.543.029.560)	3.600.405.641	1 năm	1.799.801.465	(539.940.439)	1.259.861.026
Các công ty khác	Dưới 6 tháng	35.156.057.957	-	35.156.057.957	Dưới 6 tháng	34.164.023.598	-	34.164.023.598
		60.800.652.880	(21.078.954.409)	39.721.698.471		56.024.806.664	(19.507.465.563)	36.517.341.101

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn

(21.078.954.409)

(19.507.465.563)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Hàng tồn kho

	30/6/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	57.513.396.300	-	17.722.579.992	-
Nguyên vật liệu	249.243.481.519	-	219.821.664.702	-
Công cụ và dụng cụ	7.898.393.404	-	7.758.784.140	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.972.134.890	-	27.202.092.098	-
Thành phẩm, hàng hóa	128.567.995.683	-	113.826.756.406	-
	<hr/>		<hr/>	
	464.195.401.796	-	386.331.877.338	-
	<hr/>		<hr/>	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	177.672.439.429	219.604.661.863	42.353.957.449	13.474.660.207	453.105.718.948
Tăng do mua sắm mới	143.985.809	21.544.723.120	1.658.625.455	672.918.000	24.020.252.384
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.445.142.028	-	-	-	1.445.142.028
Thanh lý	(1.218.389.682)	(3.172.470.114)	(427.914.364)	-	(4.818.774.160)
Số dư cuối kỳ	178.043.177.584	237.976.914.869	43.584.668.540	14.147.578.207	473.752.339.200
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	103.286.901.445	137.185.577.908	25.547.151.167	11.358.504.738	277.378.135.258
Khấu hao trong kỳ	9.729.903.231	15.962.786.373	2.149.517.408	638.269.342	28.480.476.354
Thanh lý	(1.218.389.682)	(3.172.470.114)	(427.914.364)	-	(4.818.774.160)
Số dư cuối kỳ	111.798.414.994	149.975.894.167	27.268.754.211	11.996.774.080	301.039.837.452
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	74.385.537.984	82.419.083.955	16.806.806.282	2.116.155.469	175.727.583.690
Số dư cuối kỳ	66.244.762.590	88.001.020.702	16.315.914.329	2.150.804.127	172.712.501.748

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 152.290 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2018: 135.454 triệu VND).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Bất động sản đầu tư

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
▪ Quyền sử dụng đất	3.234.686.485	3.234.686.485

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tổng công ty là quyền sử dụng lô đất tại Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này chưa được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư này.

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	48.552.347.941	43.618.500.559
Tăng trong kỳ	12.895.307.428	19.188.641.781
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.445.142.028)	(22.959.680.896)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(3.234.686.485)
Số dư cuối kỳ	60.002.513.341	36.612.774.959

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	17.099.101.300	17.680.399.573
Dự án xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	21.480.629.159	15.860.607.248
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	7.310.267.889	7.310.267.889
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.263.873.231	7.263.873.231
Tài sản chờ lắp đặt	6.411.441.762	-
Các công trình khác	437.200.000	437.200.000
	60.002.513.341	48.552.347.941

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2018		01/01/2018		Dự phòng VND	Dự phòng VND
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Đầu tư góp vốn vào công ty con									
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (*)	Hà Nội		100%	330.000.000.000	-	100%	330.000.000.000	-	-
▪ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Hà Nội		100%	180.000.000.000	-	100%	180.000.000.000	-	-
				<u>510.000.000.000</u>	<u>-</u>		<u>510.000.000.000</u>	<u>-</u>	
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết									
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	(9.743.056.094)	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	(2.767.358.211)
				<u>66.000.000.000</u>	<u>(9.743.056.094)</u>			<u>66.000.000.000</u>	<u>(2.767.358.211)</u>
				<u>576.000.000.000</u>	<u>(9.743.056.094)</u>			<u>576.000.000.000</u>	<u>(2.767.358.211)</u>

(*) Trong năm 2017, theo chủ trương thành lập chi nhánh Nhựa đường Petrolimex tại Lào của Hội đồng Quản trị của Tổng công ty, công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con của Tổng công ty đã thành lập chi nhánh Lào với mô hình tổ chức, điều hành kinh doanh tương tự như các chi nhánh phụ thuộc của công ty con này. Tuy nhiên, theo các quy định pháp luật về hình thức đăng ký kinh doanh của nước sở tại, chi nhánh Lào được thành lập dưới hình thức Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào. Tại thời điểm báo cáo, công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex chưa thực hiện góp vốn pháp định vào Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	33.655.505.096	16.920.107.727	6.334.037.140	11.998.225.412	711.372.791	69.619.248.166
Tăng trong kỳ	-	-	1.421.158.579	5.969.540.773	407.245.030	7.797.944.382
Phân bổ trong kỳ	(673.922.515)	(282.001.796)	(2.044.611.642)	(5.388.128.007)	(355.686.396)	(8.744.350.356)
Số dư cuối kỳ	32.981.582.581	16.638.105.931	5.710.584.077	12.579.638.178	762.931.425	68.672.842.192

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	30/6/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	1.049.576.723	1.073.249.153
▪ Công ty TNHH Castrol BP PETCO	2.351.774.275	1.662.025.979
	<hr/>	<hr/>
	3.401.350.998	2.735.275.132
Các bên khác		
▪ Ducat Chemical	39.382.259.361	2.948.400.000
▪ Behn Meyer (Malaysia)	6.365.551.008	-
▪ Elf Lubrifiant Paris	2.274.243.651	4.513.253.849
▪ Exxon Mobil Asia Ltd	-	10.586.737.586
▪ Các nhà cung cấp khác	37.093.040.449	26.251.349.703
	<hr/>	<hr/>
	88.516.445.467	47.035.016.270
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018		Số phải nộp trong kỳ VND	Số phát sinh trong kỳ		30/6/2018	
	Phải thu VND	Phải nộp VND		Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.041.806.789	143.669.643.799	(60.403.678.250)	(85.731.582.461)	-	599.378.032
Thuế nhập khẩu	-	-	9.170.377.027	(9.170.377.027)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	94.818.477	7.450.741.047	17.797.908.089	(16.916.771.221)	-	-	8.237.059.438
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.325.249.474	13.861.698.210	(14.656.267.188)	-	-	1.530.680.496
Thuế thu nhập cá nhân	-	179.817.181	1.200.524.435	(1.153.299.021)	-	-	227.042.595
Thuế khác	-	-	1.232.009.319	(1.232.009.319)	-	-	-
	94.818.477	12.997.614.491	186.932.160.879	(103.532.402.026)	(85.731.582.461)	-	10.594.160.561

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn	5.914.760.178	2.946.264.663
Chi phí phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định	-	723.147.188
Chi phí khác	944.180.601	-
	<hr/> 9.633.910.402	<hr/> 3.669.411.851

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả cổ tức	2.687.687.700	1.335.214.725
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.247.239.226	1.344.899.711
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản phải trả khác	347.409.203	495.098.856
	<hr/> 19.282.336.129	<hr/> 11.175.213.292

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay ngắn hạn

	01/01/2018		Biến động trong kỳ			30/6/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	106.100.217.922	106.100.217.922	348.217.450.461	(229.146.169.869)	48.735.012	225.220.233.526	225.220.233.526

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2,7%	208.181.184.184	68.872.954.045
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	VND	4,5%	13.453.592.396	-
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	USD	3%	3.585.456.946	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,2%	-	32.269.060.024
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	1,3%	-	4.958.203.853
			225.220.233.526	106.100.217.922

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 5 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(2.956.786.387)	(3.273.366.353)
Trích lập trong kỳ	4.586.337.483	8.158.849.690
Sử dụng trong kỳ	(4.083.148.396)	(6.532.058.058)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	(2.453.597.300)	(1.646.574.721)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2017	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	298.985.382.014	20.463.604.691	193.929.806.138	1.325.381.702.843
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	100.328.172.740	100.328.172.740
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	31.811.838.442	-	(31.811.838.442)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.158.849.690)	(8.158.849.690)
Chia cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	298	298
Số dư ngày 30/6/2017	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	330.797.220.456	20.463.604.691	92.692.159.044	1.255.955.894.191
Số dư ngày 01/01/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	330.797.220.456	20.463.604.691	151.206.572.503	1.314.470.307.650
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	86.227.274.896	86.227.274.896
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.586.337.483)	(4.586.337.483)
Chia cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	11.803	11.803
Số dư ngày 30/6/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	330.797.220.456	20.463.604.691	71.252.389.719	1.234.516.124.866



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	30/6/2018		01/01/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

Cổ đông	30/6/2018		01/01/2018	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 161.595.132.000 VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận năm 2017 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 161.595.132.000 VND (2.000 VND trên một cổ phiếu)).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2018		01/01/2018	
	Nguyên tệ	Trương đương VND	Nguyên tệ	Trương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	31.520	705.111.152	5.598	108.581.358
Euro (“EUR”)	239	6.811.229	245	6.966.781
		711.922.381		115.548.139

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Đã được duyệt	35.438.440.188	87.201.000.000

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Bán dầu mỡ nhờn	726.840.376.960	758.250.733.553
Bán hàng hóa khác	28.108.964.674	25.995.873.372
	754.949.341.634	784.246.606.925

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
	Đã phân loại lại	
Giá vốn dầu mỡ nhờn	497.438.572.918	496.247.874.770
Giá vốn hàng hóa khác	27.966.034.624	25.055.717.890
	<hr/>	<hr/>
	525.404.607.542	521.303.592.660
	<hr/>	<hr/>

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	295.438.940	497.399.150
Lợi nhuận được chia từ công ty con	15.513.697.082	6.503.038.909
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	655.859.040	941.472.215
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.599.401.370	300.000.000
	<hr/>	<hr/>
	18.064.396.432	8.241.910.274
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.913.976.791	540.656.723
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	588.133.821	1.028.885.778
Chiết khấu thanh toán	240.179.970	327.518.833
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	6.975.697.883	-
	<hr/>	<hr/>
	9.717.988.465	1.897.061.334
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
	Đã phân loại lại	
Chi phí nhân viên	13.524.029.658	10.934.132.838
Chi phí vận chuyển	11.167.909.837	13.437.123.073
Chi phí hỗ trợ bán hàng	26.141.039.944	37.966.772.266
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	23.004.629.083	19.314.678.366
Chi phí khấu hao	4.423.858.646	3.538.053.775
Chi phí sửa chữa	5.592.634.166	6.195.846.104
Chi phí bán hàng khác	22.994.796.844	23.283.890.946
	106.848.898.178	114.670.497.368

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	13.169.794.149	14.400.068.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.701.463.354	1.288.687.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.445.689.468	2.415.530.539
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.649.841.185	12.117.296.924
	27.966.788.156	30.221.582.953

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	440.234.207.382	442.248.038.849
Chi phí nhân viên	35.499.024.908	37.477.236.129
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.797.583.065	29.980.051.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.132.255.400	15.733.955.962
Chi phí khác	82.020.859.543	66.430.187.733

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	104.025.182.985	124.071.996.026
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	20.805.036.597	24.814.399.205
Chi phí không được khấu trừ thuế	95.610.908	230.031.863
Thu nhập không bị tính thuế	(3.102.739.416)	(1.300.607.782)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.797.908.089	23.743.823.286

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
▪ Bán hàng hóa	1.250.140.354	1.022.974.544
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	27.775.000	-
▪ Lợi nhuận được chia	9.181.583.284	-
▪ Chi phí hỗ trợ vốn được nhận	898.476.712	-
▪ Hỗ trợ đầu tư	18.100.000.000	-
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
▪ Bán hàng hóa	2.369.499.375	1.626.724.374
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	203.699.143	-
▪ Lợi nhuận được chia	6.332.113.798	-
▪ Chi phí hỗ trợ vốn được nhận	700.924.658	-
Các công ty liên quan		
Các công ty thuộc Petrolimex		
▪ Bán hàng hóa	596.648.934.649	573.764.235.069
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	28.731.615.724	12.310.032.733
Công ty TNHH Castrol BP PETCO		
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	11.518.454.839	16.621.555.500
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	3.125.109.127	2.073.187.387

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Số liệu so sánh

Trừ trường hợp được thuyết minh dưới đây, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Theo công văn số 213/BTC-CDKT ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc hướng dẫn hạch toán chi phí khuyến mại bằng tiền của Bộ Tài chính, Tổng công ty đã phân loại lại một số số liệu so sánh cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để phù hợp với hướng dẫn và đảm bảo tính so sánh của báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2017
	VND	VND
	(đã phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	521.303.592.660	543.797.726.410
Chi phí bán hàng	114.670.497.368	92.176.363.618

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc